

TRUNG TÂM GIÁO DỤC  
QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH  
**PHÒNG HC-TC-KT**

Số: 56 /TM-HCTCKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 9 năm 2025



V/v Tổ chức vệ sinh các tòa nhà và một số  
khu vực tại Trung tâm Giáo dục Quốc  
phòng và An ninh

**THƯ MỜI CHÀO GIÁ**

Kính gửi: Quý khách hàng

Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh ĐHQG-HCM (Trung tâm GDQPAN) đang có nhu cầu tiếp nhận chào giá về cung cấp dịch vụ Tổ chức vệ sinh các tòa nhà và một số khu vực tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh. Nay, Trung tâm GDQPAN thông báo đến các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm tham gia gửi báo giá với những nội dung như phụ lục đính kèm.

**Thông tin yêu cầu:**

1. Giá chào đã bao gồm thuế và các loại phí, chi phí nhân công.
2. Thời gian thực hiện: 12 tháng (01 năm).
3. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
4. Thời hạn gửi Thư chào giá đến *hết 16g00 ngày 12/9/2025*.
5. Hình thức nhận thư chào giá:
  - Nhận qua địa chỉ email [phonghctckt@ttgdqp.edu.vn](mailto:phonghctckt@ttgdqp.edu.vn)
  - Hoặc nhận trực tiếp: phòng Hậu cần - Tài chính - Kỹ thuật, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh số 01 Lê Quý Đôn, phường Đông Hòa, thành phố Hồ Chí Minh.
  - Liên hệ trực tiếp: Lê Chí Chinh, chuyên viên phòng HCTCKT, sdt: **0931.148.168**.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, HCTCKT.

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Trần Văn Giao**



Phụ lục 1: Diện tích tòa nhà và các khu vực  
Kèm theo thư mời chào giá ngày 07 tháng 9 năm 2025



| STT | Tên khu vực                                                                                       | Diện tích yêu cầu vệ sinh          |                               |                             |                                           |                   | Đơn giá<br>(2)<br><br>(VNĐ/<br>m <sup>2</sup> /tháng) | Thời<br>gian<br>thực<br>hiện<br>(3) | Thành tiền<br>(4)=(1)x(2)x(3) |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------|
|     |                                                                                                   | Khu<br>vực<br>giăng<br>đường<br>S1 | Khu<br>vực<br>hành<br>lang S2 | Khu vực<br>hội trường<br>S3 | Khu vực<br>nhà vệ sinh<br>công cộng<br>S4 | Tổng cộng<br>(1)  |                                                       |                                     |                               |
|     |                                                                                                   | (m <sup>2</sup> )                  | (m <sup>2</sup> )             | (m <sup>2</sup> )           | (m <sup>2</sup> )                         | (m <sup>2</sup> ) | (VNĐ/<br>m <sup>2</sup> /tháng)                       | (tháng)                             | (VNĐ)                         |
| 1   | Hội trường Võ<br>Nguyên Giáp                                                                      |                                    |                               | 550,00                      |                                           | 550,00            |                                                       | 12                                  |                               |
| 2   | Phòng học giảng<br>đường A2                                                                       | 1.440,00                           |                               |                             |                                           | 1.440,00          |                                                       | 12                                  |                               |
| 3   | Toàn bộ hành lang<br>tầng 1 giảng<br>đường A2, hành<br>lang 2 bên Hội<br>trường Võ<br>Nguyên Giáp |                                    | 550,00                        |                             |                                           | 550,00            |                                                       | 12                                  |                               |
| 4   | Toàn bộ hành lang<br>và cầu thang tầng<br>2 giảng đường A2                                        |                                    | 486,50                        |                             |                                           | 486,50            |                                                       | 12                                  |                               |
| 5   | Phòng học giảng<br>đường A3                                                                       | 1.260,00                           |                               |                             |                                           | 1.260,00          |                                                       | 12                                  |                               |



| STT                     | Tên khu vực                                                | Diện tích yêu cầu vệ sinh          |                               |                             |                                           |                  | Đơn giá<br>(2) | Thời<br>gian<br>thực<br>hiện<br>(3) | Thành tiền<br>(4)=(1)x(2)x(3) |
|-------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------|------------------|----------------|-------------------------------------|-------------------------------|
|                         |                                                            | Khu<br>vực<br>giăng<br>đường<br>S1 | Khu<br>vực<br>hành<br>lang S2 | Khu vực<br>hội trường<br>S3 | Khu vực<br>nhà vệ sinh<br>công cộng<br>S4 | Tổng cộng<br>(1) |                |                                     |                               |
| 6                       | Toàn bộ hành lang<br>tầng 1 giăng<br>đường A3              |                                    | 516,40                        |                             |                                           | 516,40           | 12             |                                     |                               |
| 7                       | Toàn bộ hành lang<br>và cầu thang tầng<br>2 giăng đường A3 |                                    | 486,50                        |                             |                                           | 486,50           | 12             |                                     |                               |
| 8                       | Nhà vệ sinh bãi<br>tập 16                                  |                                    |                               |                             | 110,00                                    | 110,00           | 12             |                                     |                               |
| 9                       | Nhà vệ sinh bãi<br>tập 22                                  |                                    |                               |                             | 42,00                                     | 42,00            | 12             |                                     |                               |
| 10                      | Nhà vệ sinh bãi<br>tập 26 - 27                             |                                    |                               |                             | 112,00                                    | 112,00           | 12             |                                     |                               |
| 11                      | Nhà vệ sinh hội<br>trường Võ<br>Nguyên Giáp                |                                    |                               |                             | 25,00                                     | 25,00            | 12             |                                     |                               |
| TỔNG                    |                                                            | 2.700,00                           | 2.039,40                      | 550,00                      | 289,00                                    | 5.578,40         |                |                                     |                               |
| THUẾ VAT 8%             |                                                            |                                    |                               |                             |                                           |                  |                | -                                   |                               |
| TỔNG CỘNG (BAO GỒM VAT) |                                                            |                                    |                               |                             |                                           |                  |                | -                                   |                               |

## Phụ lục 2: Nội dung công việc và nhân sự thực hiện công tác vệ sinh

Kèm theo thư mời chào giá ngày 07 tháng 9 năm 2025

| I. Nội dung công việc                                                                                                            | Ngày | Tuần | Tháng | Quý       |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|-------|-----------|
| <b>1. Ngoại cảnh (cự ly 5m quanh các tòa nhà)</b>                                                                                |      |      |       |           |
| Quét, lau sạch các bậc tam cấp trước sảnh các tòa nhà                                                                            | x    |      |       |           |
| Nhặt rác nổi tại các bồn cây, bồn hoa, quét khu vực nội bộ các tòa nhà <=5m                                                      | x    |      |       |           |
| <b>2. Hành lang, cầu thang bộ</b>                                                                                                |      |      |       |           |
| Quét, lau sạch các sảnh bằng hóa chất chuyên dụng ngày 01 lần                                                                    | x    |      |       |           |
| Quét và lau sạch hành lang bằng hóa chất chuyên dụng                                                                             | x    |      |       |           |
| Quét các bậc cầu thang ngày 01 lần                                                                                               | x    |      |       |           |
| Tẩy các vết keo cao su, dấu vân tay trên tường                                                                                   |      |      | x     |           |
| Lau sạch các song, tay vịn cầu thang                                                                                             |      |      | x     |           |
| Quét mạng nhện trần lối đi                                                                                                       |      |      | x     |           |
| Đánh sàn bằng máy đánh sàn chuyên dụng 6 tháng/lần                                                                               |      |      |       | 2 quý/lần |
| <b>3. Giảng đường</b>                                                                                                            |      |      |       |           |
| Quét phòng tự học                                                                                                                | x    |      |       |           |
| Lau phòng tự học bằng hóa chất chuyên dụng 02 lần/tuần                                                                           |      | x    |       |           |
| Lau chùi cửa đi, cửa sổ                                                                                                          |      |      | x     |           |
| Thay túi rác, thu gom rác đến nơi quy định                                                                                       | x    |      |       |           |
| Quét mạng nhện                                                                                                                   |      |      | x     |           |
| <b>4. Khu vực nhà vệ sinh</b>                                                                                                    |      |      |       |           |
| Lau sàn, khử mùi, làm sạch các trang thiết bị trong nhà vệ sinh, vách ngăn (nếu có), tường nhà vệ sinh bằng hóa chất chuyên dụng | x    |      |       |           |
| Thay túi nylon, thu gom rác đến nơi quy định                                                                                     | x    |      |       |           |
| Lau cửa ra vào                                                                                                                   |      | x    |       |           |
| <b>5. Hội trường Võ Nguyên Giáp</b>                                                                                              |      |      |       |           |
| Quét sàn                                                                                                                         |      | x    |       |           |
| Lau sạch sàn bằng hóa chất chuyên dụng                                                                                           |      | x    |       |           |
| Quét mạng nhện                                                                                                                   |      | x    |       |           |
| Lau chùi cửa kính (cửa đi, cửa sổ) (01 lần/tháng)                                                                                |      |      | x     |           |

| I. Nội dung công việc                                                                                                                                                                       | Ngày                                    | Tuần | Tháng | Quý |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------|-------|-----|
| Nhà vệ sinh: Lau sàn, khử mùi, làm sạch các trang thiết bị trong nhà vệ sinh, vách ngăn (nếu có), tường nhà vệ sinh bằng hóa chất chuyên dụng; Thay túi nylon, thu gom rác đến nơi quy định |                                         | x    |       |     |
| Quét rác đường sá và các khu vực: Đoạn đường từ cổng 1 vào khu tượng đài Quang Trung (khi có yêu cầu của Trung tâm). Xung quanh nhà A1 (quét hàng ngày)                                     | Làm Khi có yêu cầu của Trung tâm GDQPAN |      |       |     |
| <b>Nhân sự tối thiểu để thực hiện nội dung công việc<br/>(Đơn vị đề xuất để thực hiện)</b>                                                                                                  |                                         |      |       |     |

